CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

Ngày 30/09/2025	25,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.6%	**3.1%**	**17.2%**

DT thuần
Q3/25
363
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.0| 4.4%
YoY: ▲ 90.0| 33.1%

LN thuần
Q3/25
67.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.50| 2.2%
YoY: ▲ 26.4| 63.7%

LN sau thuế
Q3/25
44.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.40| 10.9%
YoY: ▲ 6.90| 18.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
25.1%
YoY: +/-▲ 1.5%

ROE (TTM)
Q3/25
7.6%
YoY: +/-▲ 0.1%

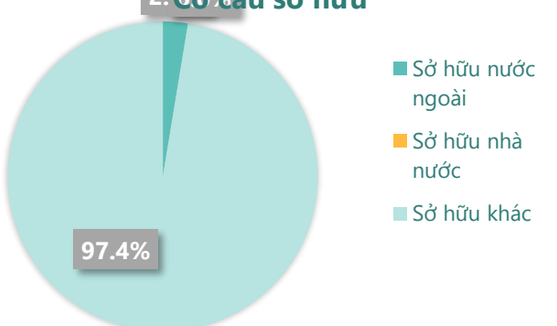
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,100 - 27,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,584
Số lượng CPLH (CP)	62,999,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,171,165
Sở hữu nước ngoài	2.6%
Beta	0.89
EPS	2,006
P/E	12.5

DT thuần
9T 2025
994
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 207| 26.2%

LN thuần
9T 2025
181
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 78.0| 75.6%

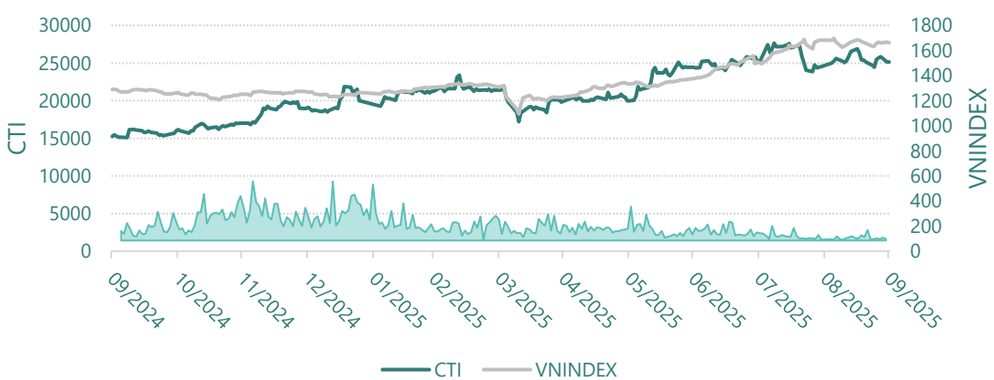
LN sau thuế
9T 2025
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.6| 34.3%

Cơ cấu sở hữu

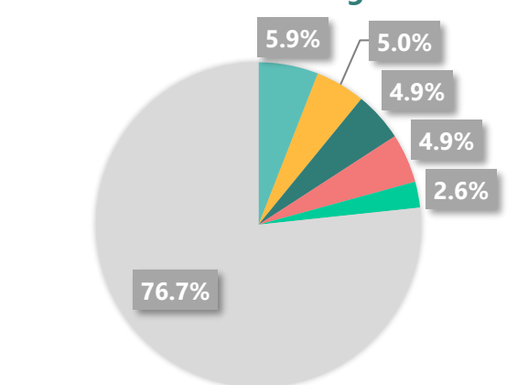


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



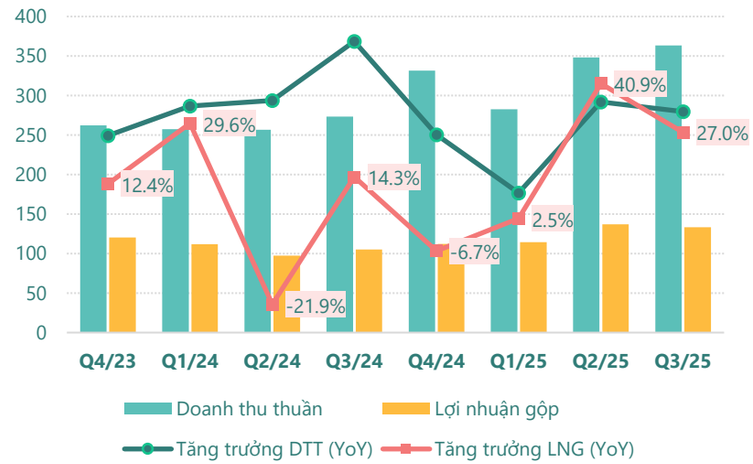
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

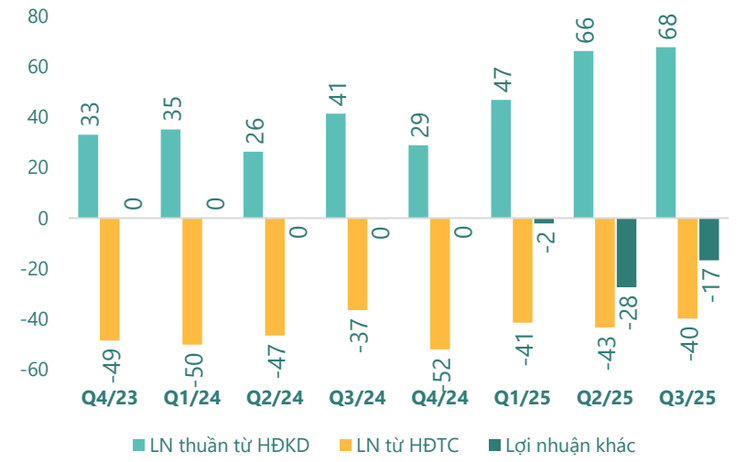
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



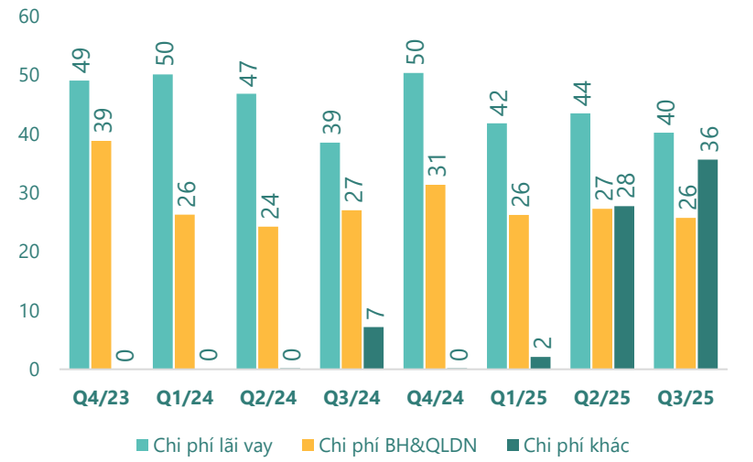
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



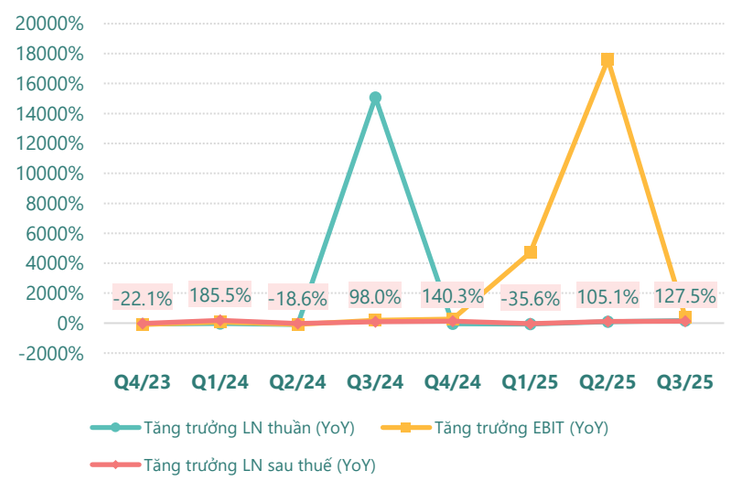
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



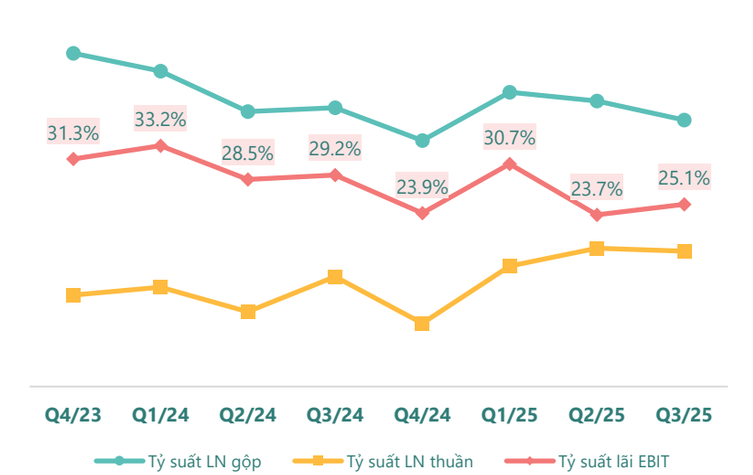
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



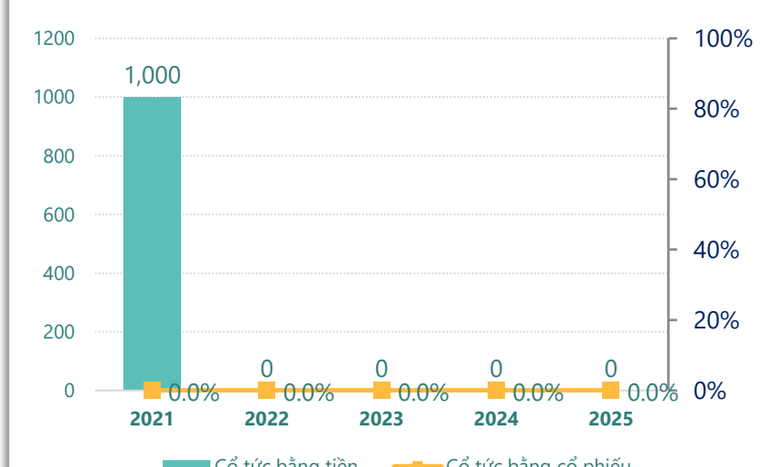
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

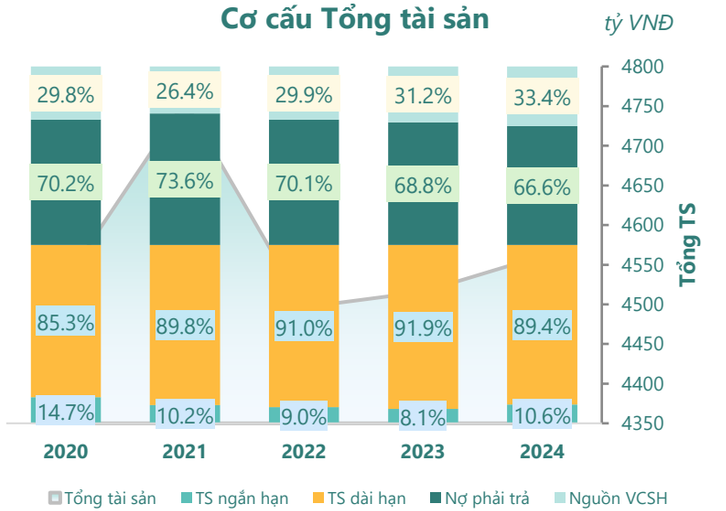
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

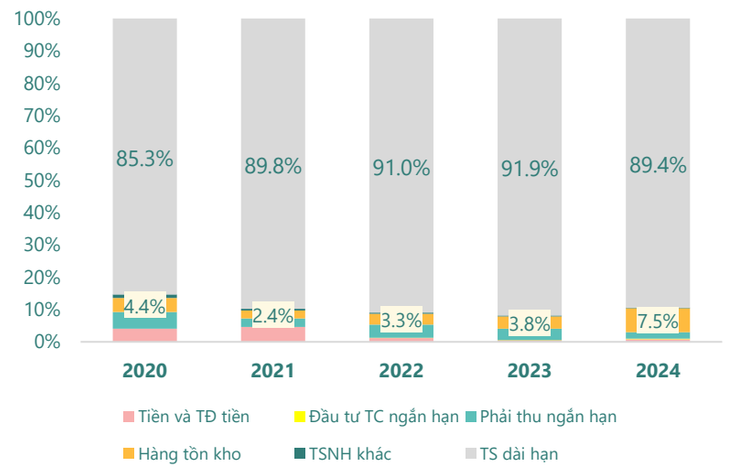
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



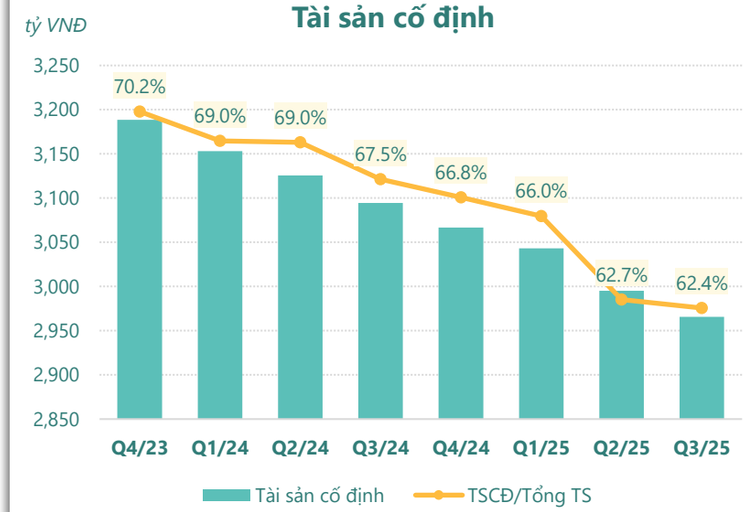
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



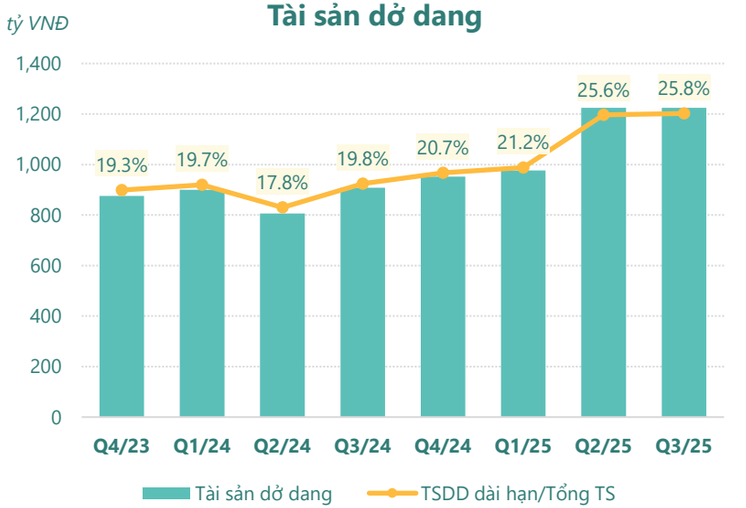
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



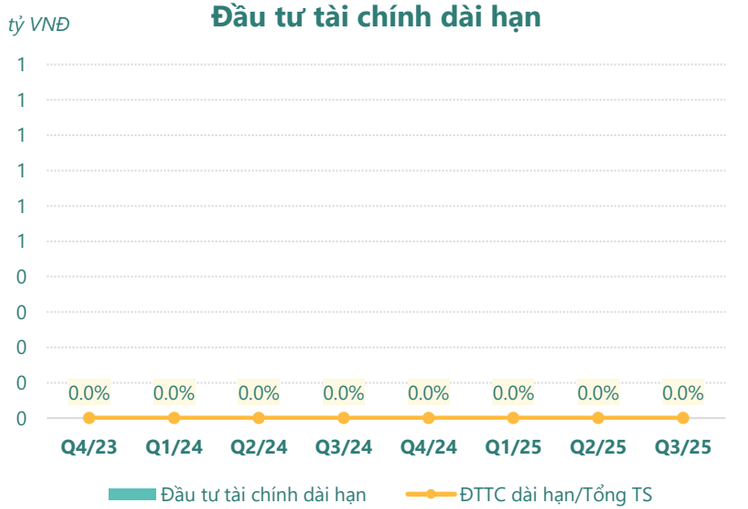
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



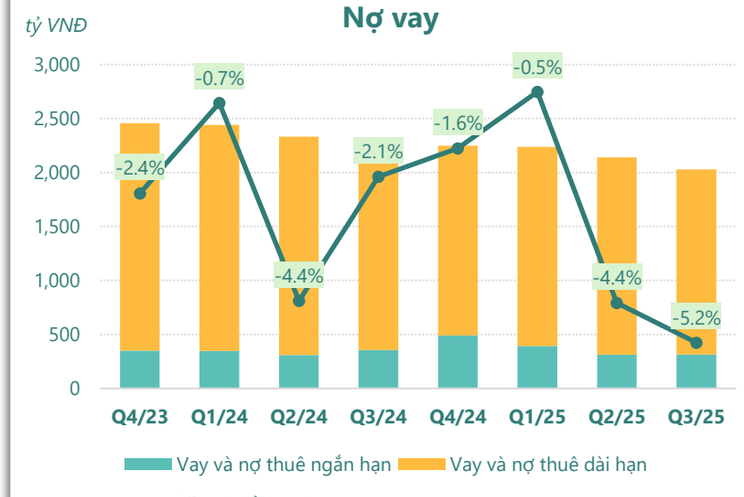
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

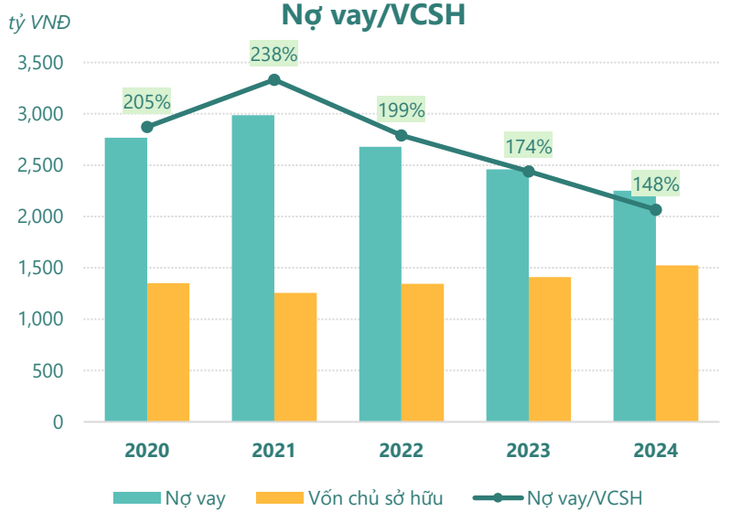
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

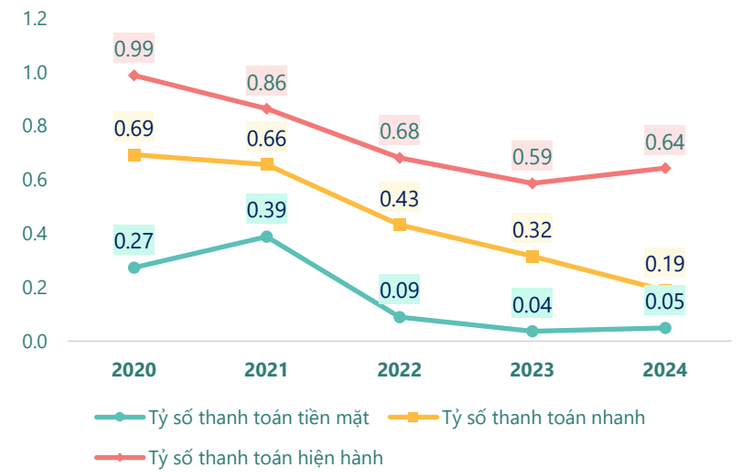
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



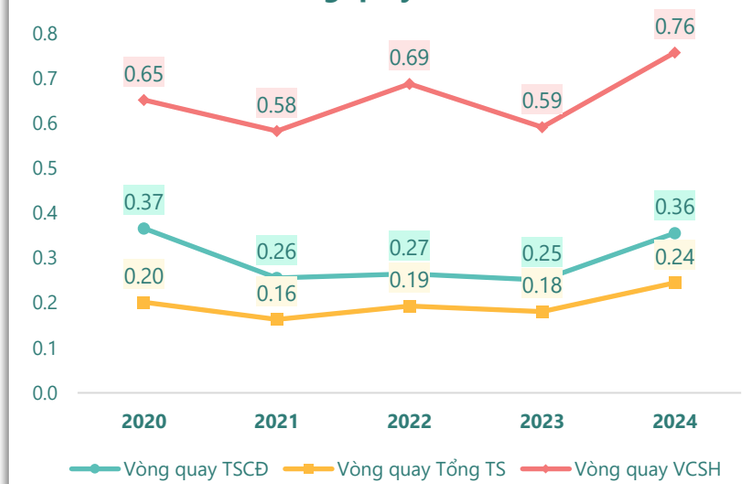
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



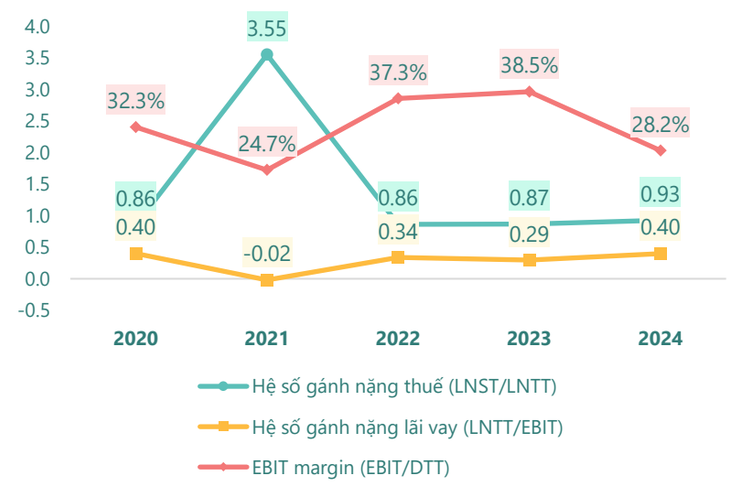
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



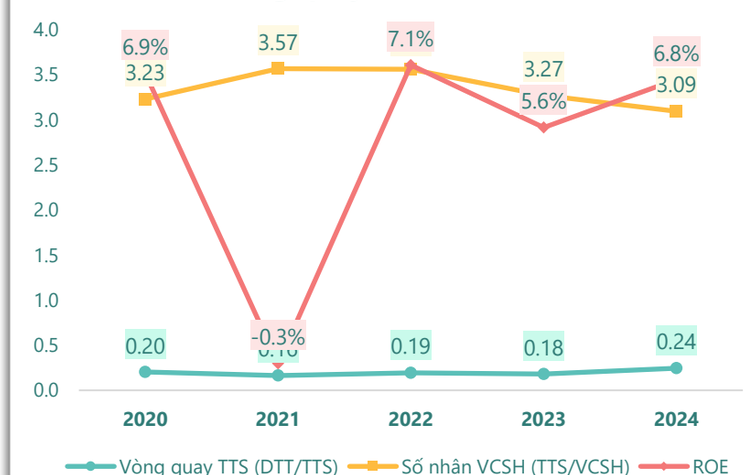
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



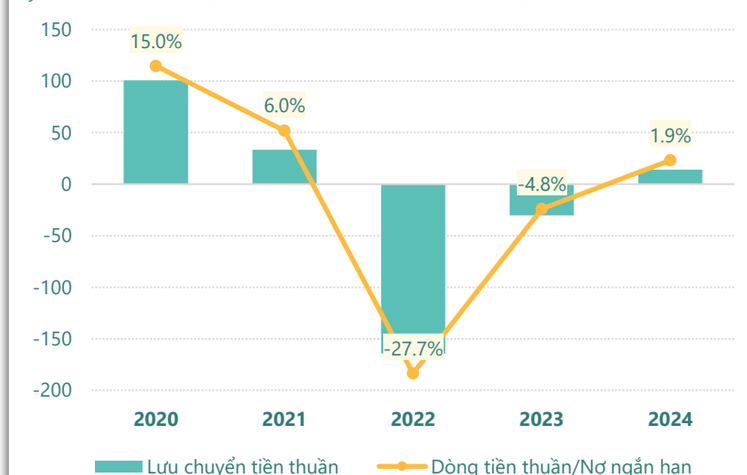
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**363**	**273**	**33.1%**	**994**	**787**	**26.2%**
Giá vốn hàng bán	230	168	36.9%	609	473	28.7%
Lợi nhuận gộp	133	105	27.0%	385	314	22.6%
Doanh thu HĐTC	0.34	0.15	125%	0.86	0.65	32.9%
Chi phí TC	40.2	36.7	9.7%	126	134	-6.3%
Chi phí lãi vay	40.2	38.6	4.3%	126	136	-7.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.96	0.83	15.4%	3.32	3.24	2.4%
Chi phí QLDN	**24.8**	**26.2**	**-5.5%**	**76.0**	**74.4**	**2.1%**
LN thuần từ HĐKD	67.8	41.4	63.7%	181	103	75.6%
Lợi nhuận khác	**-16.7**	**-0.26**	**-6334%**	**-46.3**	**-0.29**	**-16037%**
LN trước thuế	51.0	41.2	23.9%	135	103	31.1%
Lợi nhuận sau thuế	**44.3**	**37.4**	**18.4%**	**127**	**94.4**	**34.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**38.5**	**33.3**	**15.7%**	**101**	**81.7**	**24.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	98.0	23.7	51.2	55.8	48.6	234
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.6	-3.26	-59.3	-37.0	-85.4	-153
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-106	4.20	0	-8.91	82.0	-110
Tiền đầu kỳ	48.4	28.5	53.2	37.1	46.9	92.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-19.9**	**24.7**	**-8.05**	**9.83**	**45.2**	**-28.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.5	53.2	45.1	46.9	92.0	63.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,753**	**4,561**	**4.2%**
Tài sản ngắn hạn	501	482	4.0%
Tiền và tương đương tiền	63.6	37.1	71.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.48	-100%
Phải thu ngắn hạn	133	91.2	46.3%
Hàng tồn kho	301	341	-11.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.56	5.32	-51.8%
Tài sản dài hạn	**4,252**	**4,080**	**4.2%**
Phải thu dài hạn	18.1	8.52	112%
Tài sản cố định	2,966	3,066	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,224	951	28.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**43.9**	**53.5**	**-18.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,921	3,037	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**702**	**749**	**-6.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	315	436	-27.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	123	145	-14.9%
Nợ dài hạn	2,219	2,288	-3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,715	1,814	-5.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,832**	**1,524**	**20.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,832**	**1,524**	**20.2%**
Vốn điều lệ	630	630	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)